**BÀI 1. THƠ VÀ THƠ SONG THẤT LỤC BÁT**

*(Thời gian thực hiện: 13 tiết)*

**I. MỤC TIÊU**

**1. Năng lực**

- Xác định và phân tích được một số đặc điểm của thể thơ song thất lục bát như: số dòng, số chữ, vần và nhịp trong một khổ thơ; sự khác biệt so với thơ lục bát. Biết vận dụng kiến thức lịch sử văn học để đọc hiểu văn bản.

- Có một số hiểu biết ban đầu về chữ viết tiếng Việt (chữ Nôm và chữ Quốc ngữ).

- Viết được bài nghị luận phân tích một tác phẩm thơ.

- Nghe và nhận biết được tính thuyết phục của một ý kiến; chỉ ra được những hạn chế (nếu có) như: lập luận thiếu lô gích, bằng chứng chưa đủ hoặc không liên quan đến luận điểm.

**2. Phẩm chất**

- Tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc;

- Trân trọng tình bạn, khát vọng hạnh phúc và tình cảm gia đình.

**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**

**1. Giáo viên**

- SGK, SGV, Thiết kế bài dạy Ngữ văn 9; tài liệu tham khảo về đặc trưng thể loại, về kĩ năng đọc hiểu và các văn bản mở rộng văn bản thơ và thơ song thất lục bát; Phiếu học tập, hình ảnh, video giới thiệu hoàn cảnh xuất hiện bài thơ Nam quốc sơn hà; giới thiệu nhà thơ Nguyễn Khuyến, khúc ngâm thơ song thất lục bát,

- Máy tính, máy chiếu, loa, giấy và bút dạ, bút màu, bút bi nhiều màu,…

**2. Học sinh**

- Tài liệu liên quan đến kiến thức về thể loại thơ và thơ song thất lục bát, các yếu tố thời đại, tiểu sử, sự nghiệp…của tác giả Nguyễn Khuyến, Trần Quang Khải…; Kiến thức về chữ Nôm, chữ Quốc ngữ…

- SGK, vở ghi, đồ dùng học tập (bút chì, bút màu, bút bi, bút đánh dấu, giấy nhớ, giấy A4,…), hồ sơ học tập (phiếu học tập, sơ đồ tư duy, bảng biểu…).

**III. TIỀN TRÌNH DẠY HỌC**

**A. PHẦN ĐỌC HIỂU**

**Tiết : 2+3**

**Văn bản 1. Sông núi nước Nam (Nam quốc sơn hà)**

KHUYẾT DANH

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

***a****.* ***Mục tiêu:*** Củng cố lại những đặc trưng của thơ Đường luật, tạo nền tảng kiến thức để HS tiếp tục tìm hiểu về thơ Đường luật qua văn bản “Sông núi nước Nam”; tạo không khí học tập sinh động, hấp dẫn.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH đóng vai, KT đặt câu hỏi yêu cầu HS thực hiện buổi phỏng vấn các nhà thơ nổi tiếng đời Đường.

***c. Sản phẩm:*** Những thông tin về thể thơ Đường luật.

***d. Tổ chức thực hiện:***

- GV yêu cầu HS thực hiện nhiệm vụ đã giao trong tiết học trước.

- HS chuẩn bị thực hiện buổi phỏng vấn:

+ Hai HS đóng vai người phỏng vấn

+ Ba HS đóng vai các nhà thơ nổi tiếng đời Đường (Trung Quốc): Lí Bạch, Đỗ Phủ, Bạch Cư Dị.

- HS thực hiện buổi phỏng vấn, HS khác ngồi nghe và ghi chép những thông tin về thơ Đường qua câu trả lời của 3 nhà thơ.

- GV cùng HS theo dõi buổi phỏng vấn, sau đó gọi 1-2 HS chia sẻ trước lớp nội dung ghi chép của mình; Từ đó, nhận xét, đánh giá, khen ngợi và củng cố lại những yếu tố đặc trưng của thể thơ Đường luật bằng bảng tổng hợp và dẫn dắt vào bài.

|  |  |
| --- | --- |
| **BẢNG TỔNG HỢP KIẾN THỨC NGỮ VĂN**  **Về thơ Đường luật** | |
| **Đặc điểm** | **Biểu hiện** |
| 1. Nguồn gốc | Thời đời Đường, Trung Quốc |
| 2. Thể thơ | Thất ngôn và ngũ ngôn |
| 3. Dạng thơ | Bát cú và tứ tuyệt |
| 4. Bố cục | - Bát cú: Đề – thực – luận – kết  - Tứ tuyệt: Khởi – thừa – chuyển – hợp |
| 5. Niêm | Chữ thứ hai của các cặp câu: 1-8, 2-3, 4-5, 6-7 trong thơ bát cú và 1-4, 2-3 trong thơ tứ tuyệt phải cùng thanh (bằng hoặc trắc) với nhau |
| 6. Luật | Chữ thứ hai của câu thứ nhất trong bài thơ mang thanh nào thì bài thơ được viết theo luật đó |
| 7. Vần | Gieo vần ở chữ cuối cùng của các câu thơ 1,2,4,6,8 trong bài thơ bát cú và 1,2,4 trong bài thơ tứ tuyệt |
| 8. Nhịp | 4/3 hoặc 2/3 |
| 9. Đối | Phần thực và luận trong bài thơ bát cú đối về: âm, từ loại, nghĩa. |

.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***a. Mục tiêu:***

- HS nhận biết được các đặc điểm của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật viết bằng chữ Hán trong bài thơ *Nam quốc sơn hà* (bố cục, số tiếng, số dòng, vần, nhịp, niêm, luật, nghệ thuật đối,…)

- Phân tích được những nét đặc sắc nghệ thuật trong bài thơ: giọng thơ, ngôn ngữ, dẫn chứng…để thấy được nội dung và cảm xúc đặc biệt trong bài thơ.

- Hiểu được có giá trị to lớn của bài thơ - là một trong những tác phẩm mở đầu cho chủ đề yêu nước chống ngoại xâm mang tính truyền thống trong văn học Việt Nam. Đồng thời, qua bài thơ hiểu được khát vọng khẳng định độc lập dân tộc đã xuất hiện từ lâu trong lịch sử Việt Nam. Từ đó, bồi đắp niềm tự hào về truyền thống dựng nước và giữ nước của dân tộc ta.

- Củng cố cách đọc bài thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH theo nhóm, nêu vấn đề và KTDH động não, thuyết trình, đặt câu hỏi để hướng dẫnHS đọc hiểu văn bản.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Đọc và tìm hiểu chung về bài thơ**  ***\* HĐ1: Tìm hiểu bối xuất hiện bài thơ***  - GV đặt câu hỏi: Qua các tài liệu đã tìm hiểu, hãy trình bày bối cảnh xuất hiện bài Sông núi nước Nam và cho biết: Vì sao bài thơ được gọi là Thơ thần?  - HS chia sẻ những thông tin tìm hiểu được theo nhóm cặp.  - GV gọi 2-3 HS trả lời câu hỏi trước lớp  - GV lắng nghe, tổng hợp và bổ sung thêm những thông tin về xuất xứ, bối cảnh ra đời bài thơ cũng như lí giải vì sao bài thơ được gọi là Thơ thần:  + Xuất xứ: Bài thơ Sông núi nước Nam được ghi chép trong các sách như *Việt điện u linh tập* (Tập truyện về cõi u linh của đất Việt, 1329), *Lĩnh Nam chích quái* (Lựa chọn những chuyện quái lạ ở Lĩnh Nam, cuối thế kỉ XIV) và *Đại Việt sử ký toàn thư.*  + Các nhà nghiên cứu cho rằng bài thơ Thần có lẽ được sáng tác bởi một trong các trí thức nổi tiếng thời đó, giấu tên tác giả, gán cho các thần linh để tạo sự linh thiêng nhằm mục đích khích lệ tinh thần tướng sĩ quyết tâm bảo vệ Tổ quốc trước sự xâm lược của kẻ thù.  + Bài thơ trở nên linh thiêng và được coi như bài thơ của thần linh đất Việt hiện hiển cùng con cháu đánh giặc, giữ nước.  *(GV cho HS hiểu thêm về hoàn cảnh xuất hiện bài thơ và cảm nhận thêm về không khí lịch sử hào hùng qua đoạn video giới thiệu về bối cảnh xuất hiện bài thơ:* [*https://www.youtube.com/watch?v=i4kVQh-ZiP0*](https://www.youtube.com/watch?v=i4kVQh-ZiP0)*) CĂT VIDEO ĐẾN 1P23* | | ***1. Bối cảnh xuất hiện bài thơ***  - Lê Đại Hành năm 981 và Lý Thường Kiệt năm 1076 đã sử dụng bài thơ trong các cuộc kháng chiến chống quân Tống xâm lược trên phòng tuyến sông Như Nguyệt (sông Cầu).  - Bài thơ vốn không có nhan đề, sau này một số sách ghi tên tác giả là Lý Thường Kiệt và đặt tên bài thơ là Nam quốc sơn hà.  - Bài thơ được gọi là Thơ thần là do truyền thuyết kể lại chuyện Lê Đại Hành và Lý Thường Kiệt cho người nấp vào đền thờ hai vị anh hùng dân tộc, đồng thời là hai vị thần sông Như Nguyệt là Trương Hống và Trương Hát để giả giọng thần đọc bài thơ *Nam quốc sơn hà*. Bài thơ được đọc hùng hồn giữa đêm vắng, âm vang trên dòng sông linh thiêng đã khích lệ tinh thần chiến đấu của quân sĩ Đại Việt khiến quân thù run sợ mà tan vỡ. |
| ***\* HĐ2: Tìm hiểu cách đọc và giải thích từ khó.***  - GV nêu yêu cầu: Theo em, cần lưu ý gì khi đọc bài thơ Nam quốc sơn hà? (ngắt nhịp, giọng điệu...ở phần phiên âm và dịch thơ)  - HS độc lập chia sẻ các lưu ý khi đọc bài thơ.  - GV gọi 2-3 HS đọc bài thơ, HS khác nghe và nhận xét cách đọc, đưa ra ý kiến về cách đọc bài thơ.  - GV tổng hợp ý kiến, đưa ra một số hướng dẫn đọc và đọc minh họa bài thơ; Tổ chức tìm hiểu một số từ ngữ khó trong bài thông qua BT ghép nối sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Từ khó** | **Nối** | **Giải nghĩa** | | 1. Nam quốc |  | a. ở (với nghĩa là làm chủ, độc lập). | | 2. Nam đế |  | b. nước Nam, chỉ nước ta khi đó, để phân biệt với Bắc quốc (Trung Quốc). | | 3. Cư |  | c. hoàng đế, vua nước Nam. | | 4. Định phận |  | d. chuốc lấy, nhận lấy thất bại | | 5. Thiên thư |  | e. địa phận, lãnh thổ đã được phân định rõ ràng. | | 6. Thủ bại hư |  | f. sách trời | | | ***2. Đọc và giải thích từ khó***  - Hướng dẫn đọc: ngắt nhịp 4/3, giọng thơ hào sảng, hùng hồn, đanh thép; nhấn giọng ở một số từ, cụm từ (cư, thiên thư, thủ bại hư)  - Các từ khó:  (1) *Nam quốc*: nước Nam, chỉ nước ta khi đó, để phân biệt với Bắc quốc (Trung Quốc).  (2) *Nam đế*: hoàng đế, vua nước Nam. Trong chữ Hán còn có chữ vương, chỉ vua chư hầu. Đế, tức hoàng đế, là vua của một nước độc lập, ngang hàng với hoàng đế Trung Hoa. Thời trung đại, đế là đại diện cho quốc gia, dân tộc.  (3) *Cư*: ở (với nghĩa là làm chủ, độc lập). Một số bản dịch khác dịch là ngự trị, cai quản, gánh vác,… cũng với nghĩa làm chủ.  (4) *Định phận*: địa phận, lãnh thổ đã được phân định rõ ràng.  (5) *Thiên thư*: sách trời (ngụ ý trên đó ghi nhận cương vực, lãnh thổ của nước Nam ta).  (6) *Thủ bại hư*: chuốc lấy, nhận lấy thất bại |
| ***\* HĐ3: Tìm hiểu thông tin chung***  - GV yêu cầu HS thực hiện các nhiệm vụ sau:  *(1) Khi đọc hiểu văn bản thơ Đường luật chúng ta cần chú ý điều gì?*  *(2) Em đã đọc bài thơ như thế nào, hãy chia sẻ cách đọc của em.*  *(3) Xác định đề tài, thể thơ và bố cục của bài thơ.*  - HS độc lập thực hiện các nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.  - GV gọi 2-3 HS chia sẻ câu trả lời; HS khác lắng nghe, bổ sung.  - GV thống nhất kĩ năng đọc hiểu và chia sẻ nội dung hướng dẫn đọc trong ô chỉ dẫn đọc bên phải văn bản; đồng thời chốt kiến thức về thể thơ và bố cục bài thơ (lưu ý về bố cục 4 phần thông thường của bài thơ thất ngôn tứ tuyệt) | | ***3. Thể thơ, bố cục***  - Đề tài: Tinh thần yêu nước  - Thể thơ: Thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật viết bằng chữ Hán.  - Bố cục: 2 phần (hai câu đầu và hai câu cuối) |
| ***\* HĐ1: Nhận diện các yếu tố hình thức của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt trong bài thơ Sông núi nước Nam.***  - GV hướng dẫn HS làm việc độc lập hoàn thành các nội dung PHT số 2 trong thời gian 5 phút.   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Tìm hiểu các yếu tố đặc trưng của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt trong bài thơ *Sông núi nước Nam*** | | | **Đặc trưng**  **thể loại** | **Biểu hiện**  **trong văn bản** | | 1. Số dòng, số chữ |  | | 2. Luật |  | | 3. Vần |  | | 4. Nhịp |  | | 5. Niêm |  | | 6. Đối |  |   - HS hoạt động độc lập hoàn thành PHT số 2 theo hướng dẫn của GV.  - GV gọi1-2 HS chiếu PHT và trình bày kết quả thảo luận, HS khác nhận xét, bổ sung.  **-** GV nhận xét, chốt đáp án, nhấn mạnh tính mẫu mực về đặc trưng thể loại của bài thơ Nam quốc sơn hà. | | **II. Đọc và tìm hiểu chi tiết**  ***1. Các yếu tố hình thức của thể thơ thất ngôn tứ tuyệt trong bài thơ Sông núi nước Nam***   |  |  | | --- | --- | | **Đặc trưng thể loại** | **Biểu hiện**  **trong văn bản** | | 1. Số dòng, số chữ | Gồm 4 dòng, mỗi dòng 7 chữ | | 2. Luật | Tiếng thứ hai của câu thơ thứ nhất là “*quốc*” mang thanh trắc 🡪 bài thơ thuộc luật trắc | | 3. Vần | Gieo vần ở tiếng cuối của các câu 1,2,4: *cư – thư – hư* | | 4. Nhịp | 4/3 | | 5. Niêm | - Tiếng thứ 2 của dòng 1,4 cùng mang vần trắc: *quốc - đẳng*  - Tiếng thứ 2 của dòng 2-3 cùng mang vần bằng: *nhiên - hà* | | 6. Đối | Tiểu đối trong từng câu thơ:  Nam quốc sơn hà/Nam đế cư | | => Là bài thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật viết bằng chữ Hán mẫu mực. | | |
| ***\* HĐ2:******Tìm hiểu nội dung tư tưởng trong bài thơ.***  - GV yêu cầu HS trao đổi nhóm cặp thực hiện các yêu cầu trong PHT sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  ***Nội dung tư tưởng, tình cảm, cảm xúc trong bài thơ*** | | | | **Phần** | **Từ ngữ, hình ảnh, đặc sắc nghệ thuật** | **Nhận xét** | | Hai câu đầu | - Các từ ngữ *“Nam quốc”, “Nam đế”*, *“tiệt nhiên”, “định phận”, “thiên thư”* thể hiện điều gì?  - Chỉ rõ vế đối và việc sử dụng thanh điệu trong câu thơ thứ hai? | - Nhận xét về từ ngữ, giọng điệu của hai câu thơ đầu?  - Qua đó, hai câu thơ đã khẳng định điều gì? | | Hai câu cuối | Giải nghĩa các từ ngữ: *nghịch lỗ, như hà, lai xâm phạm, nhữ đẳng, thủ bại hư* | - Các từ ngữ và giọng điệu cho thấy điều gì?  - Cảm nhận về thái độ, cảm xúc của người viết trong hai câu cuối. | | \* Nhận xét về mối quan hệ giữa hai câu đầu và hai câu cuối.  \* Vì sao bài thơ được coi là “bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên” của nước ta? | | |   - HS hình thành nhóm, nhận PHT và thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV; GV theo dõi, hỗ trợ quá trình thực hiện nhiệm vụ của các nhóm.  - GV gọi 3 nhóm chiếu và trình bày kết quả thảo luận của nhóm theo 3 nội dung trong PHT; các nhóm khác lắng nghe, quan sát, nhận xét, bổ sung.  - GV tổng hợp ý kiến, nhận xét, chốt kiến thức trọng tâm và bình về những nét nghệ thuật đặc sắc và giá trị tư tưởng trong bài thơ. | | ***2. Giá trị nội dung, tư tưởng trong bài thơ***   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Phần** | **Từ ngữ, hình ảnh, đặc sắc nghệ thuật** | **Nhận xét** | | **Hai câu đầu** | - *Nam quốc, Nam đế*: lãnh thổ nước Nam đã có chủ và là một quốc gia độc lập, không phụ thuộc vào bất cứ quốc gia nào khác.  - *tiệt nhiên, định phận, thiên thư*: xác nhận quyền thiêng liêng, bất khả xâm phạm đó đã được trời, đất quy định, chứng giám.  - Phép đối xứng: *Nam quốc sơn hà/ nam đế cư*  - 4 thanh trắc (*tiệt, định, phận, tại*) 🡪 tạo âm hưởng cho câu thơ đanh, chắc. | 🡪 Từ ngữ đanh thép, phép đối xứng nhịp nhàng, kết hợp với giọng điệu hùng hồn đã khẳng định rõ ràng, chắc chắn như một chân lý về chủ quyền quốc gia nước Nam. | | **Hai câu cuối** | - *nghịch lỗ* (kẻ ngạo ngược): chỉ quân xâm lược.  - *Như hà* (cớ sao): truy xét tội của kẻ xâm lược.  - *lai xâm phạm*: dám xâm phạm vào đất nước đã có chủ.  - *Nhữ đẳng* (chúng bay): gọi một cách khinh bỉ.  - *thủ bại hư*: nhất định (chúng bay) sẽ chuốc lấy sự bại vong. | 🡪 Sử dụng những từ ngữ chắc nịnh, mạnh mẽ cùng giọng điệu cứng rắn, kiên quyết: lời cảnh cáo, răn đe kẻ thù cùng quyết tâm bảo vệ độc lập và niềm tin tất thắng của nhân dân ta. Đồng thời, thể hiện rõ thái độ giận dữ, niềm uất hận đối với kẻ thù ngang tàng đi ngược lại chân lí, phạm phải ý trời. | | \* Mối quan hệ giữa hai câu đầu và hai câu cuối: Hai dòng đầu là cơ sở, nền tảng mang tính pháp lý, khách quan để khẳng định sức mạnh, niềm tin được thể hiện ở hai dòng sau.  🡪 mối quan hệ nhân quả. | | | | \* Bài *Sông núi nước Nam* được coi là “bản Tuyên ngôn Độc lập đầu tiên” của dân tộc bởi bài thơ đã hội tụ những lý lẽ khách quan khẳng định quyền độc lập dân tộc, quyền tự chủ, toàn vẹn lãnh thổ và ý chí của cả một dân tộc quyết tâm bảo vệ những điều thiêng liêng bất khả xâm phạm đó. | | | |
| - GV hướng dẫn HS khái quát giá trị nội dung, nghệ thuật của văn bản “Sông núi nước Nam”; củng cố cách đọc hiểu văn bản thơ thất ngôn tứ tuyệt Đường luật.  - HS độc lập chuẩn bị câu trả lời trong thời gian 5 phút.  - GV gọi 3 - 4 HS bất kì trình bày câu trả lời, HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  - GV tổng hợp ý kiến, chốt kiến thức về nội dung và nghệ thuật của văn bản, và củng cố cách đọc hiểu văn bản thơ Đường luật. | **III. Tổng kết**  ***1. Nghệ thuật***  - Thể thơ tứ tuyệt ngắn gọn, hàm súc  - Hình thức văn nghị luận với lập luận chặt chẽ kết hợp hài hòa với cảm xúc mãnh liệt.  - Sử dụng ngôn ngữ, giọng điệu hùng hồn, đanh thép, dõng dạc.  ***2. Nội dung***  - Khẳng định chủ quyền lãnh thổ của đất nước, nêu cao ý chí quyết tâm bảo vệ chủ quyền đó trước mọi kẻ thù xâm lược và thể hiện niềm tin về sức mạnh của chính nghĩa.  - Bài thơ được xem là bản tuyên ngôn độc lập đầu tiên của dân tộc ta.  ***3. Kĩ năng đọc hiểu văn bản thơ Đường luật***  - Đọc nhanh văn bản để nhận diện, xác định thể loại, các từ khó và nội dung bao quát của văn bản.  - Đọc kĩ, xác định và phân tích kết cấu, cách sử dụng ngôn từ, cách gieo vần, cách vận dụng các biện pháp tu từ, phép đối, nhãn tự,… và tác dụng của chúng trong việc thể hiện tư tưởng, quan niệm về con người, cuộc sống một cách kín đáo, tinh tế trong văn bản.  - Xác định được chủ đề, thông điệp tác giả muốn gửi gắm đến bạn đọc.  - Liên hệ, kết nối với bản thân và cuộc sống về những vấn đề văn bản gợi mở. | |

**3. Hoạt động 3,4: Luyện tập, vận dụng**

***a. Mục tiêu:*** HS vận dụng kiến thức đã học để thể hiện suy nghĩ, tình cảm cá nhân qua nội dung tư tưởng của bài thơ; biết liên hệ kết nối với vấn đề trong cuộc sống hiện đại.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH nêu và giải quyết vấn đề để HS thực hiện các nhiệm vụ.

***c. Sản phẩm:*** Bài làm của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

- GV yêu cầu HS thực hiện các yêu cầu:

(1) Trên lớp: Trả lời câu hỏi 6 (SGK/15): *Bài Sông núi nước Nam gợi lên trong em những tình cảm, cảm xúc gì? Theo em, nội dung tư tưởng bài thơ có ý nghĩa như thế nào với thế hệ trẻ ngày nay?*

(2) Về nhà:*Tìm đọc thêm và ghi chép một số bài thơ có đề tài về truyền thống yêu nước của dân tộc.*

**\*Hướng dẫn chuẩn bị bài sau: Văn bản 2. Khóc Dương Khuê**

(1) Tìm hiểu phần Kiến thức ngữ văn về đặc điểm của thể thơ song thất lục bát để vận dụng vào đọc hiểu văn bản này.

(2) Đọc trước văn bản để tìm hiểu giọng đọc, nhịp điệu dòng thơ và việc sử dụng từ ngữ để diễn tả tình cảm. …đồng thời lưu ý các lệnh/ câu hỏi ở bên phải văn bản.

(3) Chú ý xem bài thơ bắt đầu bằng câu song thất hay lục bát? Xác định đề tài, chủ đề và bố cục của bài thơ.

(4) Tìm hiểu thêm thông tin về nhà thơ Nguyễn Khuyến và nhà thơ Dương Khuê (1839 – 1902).

\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*

**TIẾT : 4+5**

**Văn bản 2 :Khóc Dương Khuê (Nguyễn Khuyến)**

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

***a. Mục tiêu:*** Tạo không khí hào hứng; kiểm tra việc chuẩn bị bài, tạo kiến thức nền về thể thơ song thất lục bát để HS bước đầu tiếp cận cách đọc hiểu văn bản Khóc Dương Khuê và kết nối vào bài học.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH trực quan, KT tổ chức trò chơi để HS tham gia trả lời các câu hỏi liên quan đến thể thơ Song thất lục bát.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS

***d. Tổ chức thực hiện:***

- GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi “Giải ô chữ bí mật”

- HS nghe hướng dẫn luật chơi và chuẩn bị tham gia trò chơi.

- GV tổ chức trò chơi và xử lý tình huống phát sinh

- GV tổng kết trò chơi, khen thưởng HS giải được ô chữ bí mật và dẫn dắt vào bài học.

**2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức**

***a. Mục tiêu:***

- HS nhận biết được các đặc điểm của thể thơ song thất lục bát trong bài thơ *Khóc Dương Khuê* (bố cục, số tiếng, số dòng, vần, nhịp,…)

- Phát hiện và phân tích được tác dụng của giọng điệu được thể hiện trong bài thơ, sự kết hợp giữa nghệ thuật kể chuyện và cách thức thể hiện tình cảm; sử dụng ngôn từ, sử dụng các thủ pháp nghệ thuật như: nói giảm - nói tránh, dùng từ láy, từ ghép, cách xưng hô, lời cảm thán,...

- Hiểu được tâm trạng bàng hoàng, nỗi cô đơn, đau đớn và xót thương của tác giả trước sự ra đi mãi mãi của người bạn tri kỉ; Cảm nhận được tình bạn nồng thắm, sâu sắc trong bài thơ, từ đó biết trân trọng và giữ gìn tình bạn đẹp trong cuộc sống.

- Hình thành kĩ năng đọc hiểu bài thơ song thất lục bát.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH theo nhóm, dạy học hợp tác, nêu vấn đề và kĩ thuật động não, thuyết trình, đặt câu hỏi để hướng dẫnHS đọc hiểu văn bản.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Đọc và tìm hiểu chung**  ***\* HĐ1: GV kiểm tra việc chuẩn bị đọc hiểu ở nhà của HS***  - GV nêu yêu cầu: *Hãy trình bày những thông tin cơ bản về: cuộc đời, sự nghiệp, đề tài, phong cách sáng tác của tác giả Nguyễn Khuyến.*  - HS độc lập chuẩn bị theo nội dung đã chuẩn bị ở nhà.  - GV gọi 2 – 3 HS chia sẻ thông tin trước lớp, HS khác lắng nghe, đối chiếu với phần chuẩn bị của mình để nhận xét, bổ sung.  - GV tổng hợp, đánh giá, chốt kiến thức, chiếu chân dung Nguyễn Khuyến và mở rộng thông tin về tác giả: | **1. Tác giả**  - Nguyễn Khuyến (1835-1909), quê ở Hà Nam.  - Ông vừa là nhà thơ trữ tình và vừa là nhà thơ trào phúng xuất sắc của văn học Trung đại Việt Nam.  - Ông được gọi là “Tam nguyên Yên Đổ” và được mệnh danh là “nhà thơ của làng cảnh Việt Nam”. |
| ***\* HĐ2: Đọc văn bản và giải thích từ khó***  - GV yêu cầu HS: *Chia sẻ cách đọc (giọng đọc, cách thực hiện lệnh khi đọc) văn bản và nêu những từ ngữ khó cần chú ý và giải thích.*  - HS độc lập thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn. | **2. Văn bản**  ***a. Đọc và giải thích từ khó:***  - Hướng dẫn HS cách đọc:  + Ngắt nhịp: Câu song thất: ngắt nhịp 3/4, 3/2/2; Câu lục bát: chủ yếu ngắt nhịp 2/2/2; 4/4; Riêng dòng đầu tiên ngắt nhịp 2/1/3  + giọng đọc trầm buồn, chậm rãi, sâu lắng; thay đổi giọng đọc ở các câu hỏi, câu cảm.  - Giải thích một số từ ngữ khó: |
| ***\* HĐ3: Tìm hiểu chung văn bản***  - GV yêu cầu HS trao đổi nhóm cặp thống nhất nội dung sau:  *+ Sự kiện tạo ra nguồn cảm xúc để Nguyễn Khuyến viết bài thơ là gì? (Hoàn cảnh sáng tác)*  *+ Xác định đề tài của bài thơ.*  *+ Sự kiện ấy chi phối bố cục của bài thơ như thế nào? Cho biết ý chính của mỗi phần theo bố cục đó.*  - HS bắt cặp và trao đổi, thống nhất theo yêu cầu của GV.  - GV gọi 2-3 đại diện nhóm HS trình bày; nhóm HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung;  - GV tổng hợp, chốt kiến thức và mở rộng thêm một số thông tin chung về bài thơ: | ***b. Tìm hiểu chung***  - Hoàn cảnh sáng tác: sự ra đi đột ngột của người bạn gắn bó keo sơn với tác giả là nhà thơ Dương Khuê.  - Đề tài: tình bạn.  - Bố cục: 3 phần  + Hai dòng đầu: cảm xúc khi nghe tin bạn mất.  + Từ dòng tiếp theo đến *“Chợt nghe, tôi bỗng chân tay rụng rời”* (dòng 3-22): hồi tưởng lại những kỉ niệm với bạn.  + Từ dòng tiếp theo đến hết (dòng 23 đến hết): tâm trạng và nỗi buồn của nhà thơ. |
| **II. Đọc và tìm hiểu chi tiết**  ***\* HĐ1: Tìm hiểu các yếu tố đặc trưng thể loại trong bài thơ***  - GV hướng dẫn HS thảo luận cặp đôi hoàn thành PHT số 1 trong thời gian 5 phút.   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1**  **Tìm hiểu các yếu tố đặc trưng của thể thơ song thất lục bát trong bài thơ “*Khóc Dương Khuê”*** | | | **Đặc trưng**  **thể loại** | **Biểu hiện**  **trong văn bản** | | 1. Số dòng, số tiếng | ……………………………………………………………………………………………… | | 2. Vần | ……………………… | | 3. Nhịp | ………………………. |   - HS thảo luận cặp đôi, thực hiện nhiệm vụ theo hướng dẫn của GV.  - GV gọi2nhóm HS trình bày kết quả thảo luận, các nhóm khác theo dõi, nhận xét, bổ sung.  **-** GV nhận xét, chốt nội dung kiến thức về các đặc trưng của thể loại trong bài thơ, phân tích vần nhịp một khổ thơ và nhấn mạnh: *Khóc Dương Khuê* là bài thơ tiêu biểu và chuẩn mực cho đặc trưng của thể thơ song thất lục bát. | **1. Các yếu tố hình thức đặc trưng thể thơ song thất lục bát trong bài thơ “Khóc Dương Khuê”**   |  |  | | --- | --- | | **Đặc trưng**  **thể loại** | **Biểu hiện**  **trong văn bản** | | 1. Số dòng, số tiếng | - Mỗi khổ gồm 4 dòng: hai dòng thất ngôn và một dòng lục, một dòng bát kế tiếp nhau liên tục.  - Riêng khổ đầu: mở đầu bằng câu lục bát 🡪 một dạng của thể song thất lục bát. | | 2. Vần, Nhịp | - Mỗi khổ thơ có hai vần trắc và năm vần bằng; dòng sáu chỉ có vần chân, ba dòng kia vừa có vần chân vừa có vần lưng.  - Nhịp: câu song thất ngắt nhịp ¾, 3/2/2; câu lục bát ngắt nhịp chẵn.  \*VD:  *Bác chẳng ở,/dẫu* ***van*** *chẳng* ***ở****,*  B T  *Tôi tuy thương, /lấy* ***nhớ*** *làm* ***thương****;*  T B  *Tuổi già/hạt lệ/như* ***sương****,*  B  *Hơi đâu chuốc lấy /hai* ***hàng*** *chứa* ***chan****!*  B B | |
| ***\* HĐ2: Tìm hiểu hai dòng thơ đầu***  - GV yêu cầu HS độc lập thực hiện những yêu cầu sau:  *(1) Chỉ ra biện pháp tu từ nổi bật, cách xưng hô và việc sử dụng từ láy trong hai dòng thơ đầu.*  *(2) Xác định cách ngắt nhịp ở từng câu.*  *(3) Qua những dấu hiệu nghệ thuật trên, hãy cho biết cảm xúc của tác giả như thế nào khi nghe tin bạn mất?*  - HS độc lập suy nghĩ theo từng yêu cầu  - GV lần lượt 3 HS trả lời 3 ý, HS khác lắng nghe, bổ sung.  - GV tổng hợp ý kiến, nhận xét, chốt kiến thức trọng tâm và mở rộng.  ***\* HĐ3: Tìm hiểu những dòng thơ tiếp theo (từ dòng 3 đến dòng 22)***  - GV hướng dẫn HS thực hiện kĩ thuật khăn trải bàn để thảo luận câu hỏi sau: *“Những kỉ niệm nào về tình bạn đã được tác giả hồi tưởng? Chỉ rõ và nêu tác dụng giọng điệu và biện pháp nghệ thuật nổi bật của những dòng thơ đó.”*  - HS nhận nhiệm vụ, tổ chức nhóm và tiến hành thảo luận; GV quan sát, hỗ trợ.  - GV gọi đại diện 1 nhóm trình bày kết quả đã thống nhất; nhóm khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét.  - GV tổng hợp ý kiến, đánh giá hoạt động nhóm và chốt kiến thức cơ bản; đồng thời giảng bình:  ***\* HĐ 4: Tìm hiểu những dòng thơ cuối (từ dòng 24 đến hết)***  - GV hướng dẫn HS trao đổi nhóm cặp, hoàn thành các yêu cầu trong PHT sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 2**  **Tìm hiểu Tâm trạng của nhà thơ (từ dòng 24 đến hết)** | | | | **Các dòng thơ** | **Dấu hiệu nghệ thuật** | **Tác dụng, ý nghĩa** | | Từ dòng 23-30 | Vd: Kết cấu trùng điệp, điệp ngữ | ……………………………… | | Từ dòng 31 đến 34 | ……………………………………… | ……………………………… | | Từ dòng 35 đến 38 | ……………………………………… | ……………………………… | | \*Nhận xét chung: Khái quát những dấu hiệu nghệ thuật và việc sử dụng ngôn ngữ. Từ đó, nêu cảm nhận về những nét tâm trạng của nhà thơ?  ……………………………………………………………………………… | | |   - HS tạo nhóm cặp thảo luận theo hướng dẫn.  - GV gọi 1-2 đại diện nhóm bất kì lên chiếu và trình bày kết quả thảo luận; Nhóm khác lắng nghe, bổ sung, nhận xét;  - GV tổng hợp, đánh giá, chốt kiến thức cơ bản và bình giảng hình ảnh “giọt lệ như sương” và hai câu thơ cuối. | ***2. Nội dung cảm xúc trong bài thơ***  ***a. Cảm xúc khi nghe tin bạn mất (Hai dòng thơ đầu)***  *“Bác Dương/ thôi/ đã thôi rồi*  *Nước mây man mác/ngậm ngùi lòng ta"*  - “thôi đã thôi rồi”: cách nói giảm nói tránh để giảm bớt nỗi đau mất bạn  - xưng hô “Bác”: thể hiện sự thân thiết, trân trọng với người đã khuất  - sử dụng từ láy “man mác”, “ngậm ngùi”: tâm trạng buồn và thương xót một cách âm thầm, lặng lẽ.  🡪 Nhịp thơ 2/1/3 kết hợp với cách nói giảm nói tránh ở dòng lục tạo sự đột ngột, hụt hẫng; nhịp điệu 4/4 kết hợp với các từ láy ở dòng bát tạo sự dàn trải, mênh mông: diễn tả cảm xúc ngỡ ngàng, đau xót kéo dài như vô cùng vô tận, lan tỏa ra cả không gian rộng lớn, bao la.  ***b. Hồi tưởng những kỉ niệm về tình bạn (Từ dòng 3 đến dòng 22)***  - Kỉ niệm về tình bạn thuở học trò cùng chuyên cần đèn sách, hăng hái, nhiệt huyết trên con đường công danh, sự nghiệp; những buổi cùng nhau với thú vui dặm khách, thú vui đàn hát, khi chén rượu, lúc cuộc cờ, thơ phú…  - Kỉ niệm khi cùng đỗ đạt đồng khoa như duyên trời, nguyện đem sức mình phục vụ đất nước, hoạn nạn cùng vượt, ngọt bùi sẻ chia.  - Kỉ niệm về lần gặp gỡ cuối cùng: kẻ làm quan, người cáo quan về quê, đến khi về già mới gặp nhau ba năm trước đó.  🡪 Sử dụng biện pháp liệt kê, trùng điệp kết hợp với giọng điệu kể lể tự tình chậm rãi, buồn đau: nhà thơ lựa chọn để kể lại những kỉ niệm đáng nhớ nhất kéo dài từ tuổi trẻ cho đến lúc về già. Điều đó thể hiện tình bạn gắn bó, keo sơn, thắm thiết giữa hai người.  ***c. Tâm trạng của nhà thơ (từ dòng 23 đến hết)***  - Kết cấu trùng điệp, điệp ngữ: “không có, không mua, không phải" (điệp từ “không” 5 lần ) 🡪 cảm giác nức nở, sự trống vắng đến nghẹn ngào, chua xót.  - Sử dụng điển tích Trung Quốc: Trần Phồn - Từ Trĩ, Bá Nha - Tử Kì 🡪 tình bạn tri âm, tri kỉ.  - Từ “đàn” đầu câu láy lại cuối câu: trạng thái ngẩn ngơ chuyển sang thống thiết, tình cảm như đợt sóng trào dâng.  - Hai câu thơ cuối "tuổi già... chứa chan": hình ảnh ẩn dụ kết hợp cùng so sánh 🡪 cách thể hiện tình cảm tinh tế (tuổi già không còn nước mắt để khóc bạn, nhưng kì thực đang đầm đìa nước mắt), thể hiện niềm xót thương, đau đớn vô hạn.  🡪 Sử dụng nghệ thuật trùng điệp với nhiều những điển tích, điển cố sâu sắc; ngôn ngữ giản dị, thân tình, trong sáng, thể hiện được tài thơ tinh tế, uyên bác. Từ đó, khắc họa nhiều nét tâm trạng của nhà thơ trước sự ra đi của người bạn tri kỉ:  + Nỗi đau đớn và không muốn tin đó là sự thật: tự đối thoại với bạn trong tâm tưởng, “trách” bạn vội vàng, rồi lại tự an ủi mình, vỗ về bạn.  + Nỗi buồn cô đơn, trống vắng: Chấp nhận nỗi đau mất bạn nhưng không nguôi được nhớ thương.  + Thương bạn mà cũng là thương cho bản thân mình vì từ đây chỉ còn lại sự cô đơn, trống vắng, không người tri âm, tri kỉ. |
| **III. Tổng kết**  ***\*HĐ 1: Khái quát giá trị nghệ thuật và nội dung của bài thơ.***  - GV yêu cầu HS độc lập thực hiện yêu cầu: *Khái quát những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản.*  - HS độc lập thực hiện yêu cầu  - GV gọi đại diện 2-3 HS trình bày miệng; HS khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung.  - GV tổng hợp ý kiến, khái quát giá trị nghệ thuật, nội dung ý nghĩa của văn bản và giảng bình:  ***\*HĐ 2. Rút ra những lưu ý khi đọc hiểu bài thơ viết theo thể song thất lục bát.***  - GV yêu cầu HS điền các từ còn thiếu vào chỗ trống để hoàn thành PHT sau:   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 02**  **Lưu ý khi đọc hiểu bài thơ viết theo thể song thất lục bát** | | | | **Yêu cầu** | **Từ cần điền** | | (1) Xác định đề tài, chủ đề và (…) của bài thơ. | …………………… | | (2) Xác định bài thơ bắt đầu bằng câu (…) hay lục bát? Tác dụng? | ……………………………… | | (3) Quan tâm đến (…) được thể hiện trong bài thơ của tác giả, sự kết hợp giữa nghệ thuật (…) và cách thức thể hiện tình cảm. | …………………………………………………… | | (4) Chú trọng đến việc sử dụng ngôn từ, việc sử dụng các (…) như: nói giảm - nói tránh, dùng từ láy, từ ghép, cách xưng hô, lời cảm thán,... | …………………………………………………. | | (5) Cảm nhận từ nội dung (…) của bài thơ những giá trị cuộc sống. | …………………………….. |   - HS độc lập hoàn thành PHT.  - GV gọi 2-3 em báo cáo nội dung hoàn thành PHT.  - GV đánh giá, chốt và khắc sâu cách đọc hiểu bài thơ song thất lục bát. | **1. Nghệ thuật**  - Thể thơ song thất lục bát, đậm đà bản sắc dân tộc;  - Ngôn ngữ bình dị, thân tình, trong sáng, đậm chất suy tưởng, trầm ngâm;  - Sử dụng điển tích, điển cố sâu sắc, thể hiện được tài thơ tinh tế, uyên bác; kết hợp các biện pháp nghệ thuật đặc sắc (nói giảm nói tránh, các câu hỏi tu từ, điệp ngữ...)  **2. Nội dung**  “Khóc Dương Khuê” là bài thơ cảm động bày tỏ tâm trạng, cảm xúc của tác giả trước nỗi đau mất bạn. Đồng thời, bài thơ đề cao, ca ngợi tình bạn gắn bó, keo sơn, cùng thấu hiểu nhau một cách chân tình, thắm thiết, sâu nặng.  **3. Lưu ý khi đọc hiểu bài thơ viết theo thể song thất lục bát.**  - Xác định đề tài, chủ đề và bố cục của bài thơ.  - Xác định bài thơ bắt đầu bằng câu song thất hay lục bát? Tác dụng?  - Quan tâm đến giọng điệu được thể hiện trong bài thơ của tác giả, sự kết hợp giữa nghệ thuật kể chuyện và cách thức thể hiện tình cảm.  - Chú trọng đến việc sử dụng ngôn từ, việc sử dụng các thủ pháp nghệ thuật như: nói giảm - nói tránh, dùng từ láy, từ ghép, cách xưng hô, lời cảm thán,...  - Cảm nhận từ nội dung tình cảm, cảm xúc của bài thơ những giá trị cuộc sống. |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập, vận dụng**

***a. Mục tiêu:*** Củng cố khắc sâu nội dung ý nghĩa tư tưởng của bài thơ; kết nối với hiểu biết thực tế và kĩ năng khai thác thông tin của HS.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng phương pháp dạy học nêu vấn đề để giúp học sinh thực hiện các nhiệm vụ luyện tập vận dụng.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

- GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu sau:

+ Trên lớp: Trả lời câu hỏi 7 (SGK/49): *Bài thơ Khóc Dương Khuê giúp em có thêm nhận thức gì về tình bạn trong cuộc sống?*

**\*Hướng dẫn chuẩn bị bài sau:** Thực hành Tiếng Việt

- Tìm hiểu về chữ Nôm và chữ Quốc ngữ trong phần Kiến thức Ngữ văn.

- Liệt kê một số các tác phẩm tiêu biểu được viết bằng chữ Nôm.

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**TIẾT :6**

**B. PHẦN THỰC HÀNH TIẾNG VIỆT**

**Một số hiểu biết về chữ Nôm và chữ Quốc ngữ**

**1. Hoạt động 1: Khởi động**

***a. Mục tiêu*:** Tạo hứng thú, thu hút học sinh sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập đã tìm hiểu ở nhà trong phần kiến thức ngữ văn; kết nối với phần tiếp theo của bài học.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PP và kĩ thuật “Trình bày 30 giây”, đặt câu hỏi để bước đầu định hướng vào nội dung kiến thức tiếng Việt.

***c. Sản phẩm:*** Kết quả chia sẻ của HS.

***d. Tổ chức thực hiện***

- GV hướng dẫn HS chia sẻ hiểu biết của mình về chữ Nôm và chữ Quốc ngữ trong vòng 30 giây.

- HS dựa vào phần kiến thức Ngữ văn và phần chuẩn bị của cá nhân trình bày; HS khác lắng nghe, phản biện, bổ sung (nếu có).

- GV quan sát và xử lí tình huống.

- GV nhận xét, chiếu cho HS xem video để khắc sâu kiến thức và kết nối vào bài học (đường link: <https://www.youtube.com/watch?v=Tv5Rz_WIJxE> cắt đến 3:04).

**2. Hoạt động 2: Thực hành**

***a. Mục tiêu:***

**-** Xác định tác phẩm văn học viết bằng chữ Nôm, chữ Quốc ngữ, chữ Hán.

- Hiểu được tác phẩm viết bằng chữ Hán là sáng tác bằng ngoại ngữ, được dịch sang tiếng Việt; tác phẩm viết bằng chữ Nôm là sáng tác bằng tiếng Việt, được phiên âm ra chữ Quốc ngữ.

- Tìm thêm được một số ví dụ về hạn chế của chữ Quốc ngữ để lưu ý viết đúng chính tả.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH dạy học đàm thoại gợi mở, hợp tác, kĩ thuật dạy học chia nhóm, khăn trải bàn, động não hướng dẫn HS hoàn thành các bài tập.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Cách thức tổ chức HĐ** | | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***HĐ1: GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 1***  - GV hướng dẫnHS xác định yêu cầu bài tập 1. Sau đó lần lượt chiếu hình ảnh minh họa các tác phẩm văn học, HS sẽ dùng thẻ chọn tác phẩm viết bằng chữ Hán, chữ Nôm và tác phẩm viết bằng chữ Quốc ngữ (dùng thẻ màu đỏ là tác phẩm viết bằng chữ Hán; thẻ màu xanh là tác phẩm viết bằng chữ Nôm; thẻ màu vàng là tác phẩm viết bằng chữ Quốc ngữ).      - HS chuẩn bị thẻ (đỏ, xanh, vàng) để tham gia hoạt động học tập.  **-** GV lần lượt chiếu hình ảnh minh họa các tác phẩm văn học lên màn hình; Sau 5 giây HS chọn và giơ thẻ màu theo hiệu lệnh của GV.  **-** GV đưa ra đáp án, nhận xét về tinh thần học tập khắc sâu kĩ năng nhận biết các tác phẩm theo loại chữ viết được sử dụng. | | **1. Bài tập 1**  - Tác phẩm viết bằng chữ Hán: *Sông núi nước Nam* (khuyết danh), *Hịch tướng sĩ* (Trần Quốc Tuấn), *Nhật kí trong tù* (Hồ Chí Minh).  - Tác phẩm viết bằng chữ Nôm: *Quốc âm thi tập* (Nguyễn Trãi), *Truyện Kiều* (Nguyễn Du), *Truyện Lục Vân Tiên* (Nguyễn Đình Chiểu).  - Tác phẩm viết bằng chữ Quốc ngữ: *Tuyên ngôn Độc lập* (hồ Chí Minh)*, Tắt đèn* (Ngô Tất Tố), *Lão Hạc* (Nam Cao)*, Dế Mèn phiêu lưu kí* (Tô Hoài) |
| ***\* HĐ2: GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 2***  - GV hướng dẫnHS xác định yêu cầu bài tập 2; phát PHT số 1, yêu cầu HS làm việc nhóm đôi để hoàn thành các yêu cầu trên PHT.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP SỐ 1** | | | | **1. Ghép tác phẩm cột A với nội dung phù hợp cột B** | | | | ***A. Tác phẩm*** |  | ***B. Được dịch hay phiên âm*** | | a) Tác phẩm viết bằng chữ Hán | 1) được phiên âm ra chữ Quốc ngữ | | 2) được dịch sang sang tiếng Việt | | b) Tác phẩm viết bằng chữ Nôm | 3) được dịch ra chữ Quốc ngữ | | **2. Chỉ ra sự phù hợp của cách diễn đạt đó đối với mỗi loại tác phẩm:**  …………………………………………………………………………………… | | |   - HS làm việc nhóm, hoàn thiện PHT theo yêu cầu của GV.  - GV chiếu PHT, gọi đại diện một nhóm HS trình bày kết quả; các nhóm khác quan sát, nhận xét, bổ sung.  - GV nhận xét, chốt đáp án, khắc sâu kĩ năng củng cố hiểu biết về chữ viết (chữ Hán, chữ Nôm và chữ Quốc ngữ), phân biệt loại tác phẩm viết bằng chữ Hán (tức là bằng một ngoại ngữ) với loại tác phẩm viết bằng chữ Nôm (tức là bằng tiếng Việt). Đối với tác phẩm viết bằng chữ Hán, chúng ta nên sử dụng bản phiên âm và bản dịch nghĩa để đối chiếu, tìm hiểu những nét đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm. | **2. Bài tập 2**  - Ghép đôi: **a - 2; b - 1.**  - Chỉ ra sự phù hợp của cách diễn đạt đó đối với mỗi loại tác phẩm:  + Đối với tác phẩm viết bằng chữ Hán: Ngôn ngữ là tiếng Hán, tức là một ngoại ngữ. Để người Việt đọc được, hiểu được, cần dịch tác phẩm sang tiếng Việt.  + Đối với tác phẩm viết bằng chữ Nôm: Ngôn ngữ được sử dụng là tiếng Việt. Tuy nhiên, là loại chữ cổ, hầu hết người Việt Nam hiện nay không đọc được, cho nên tác phẩm viết bằng chữ Nôm cần được phiên âm ra chữ Quốc ngữ để mọi người đều đọc được, hiểu được. | |
| ***\* HĐ3: GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 3***  - GV hướng dẫnHS xác định yêu cầu bài tập 3; hoàn thành nhiệm vụ theo kĩ thuật khăn trải bàn.   |  |  |  | | --- | --- | --- | | **Người số 1**  ………………………………………….  ………………………………………….  …………………………………………. | | | | **Người số 2**  ………………………………………….  …………………………………………. | **Tổng hợp**  a) Trường hợp dùng nhiều chữ cái khác nhau để ghi một âm:.......... .............................  b) Trường hợp dùng một chữ cái khác khác nhau để ghi nhiều âm:.......  .............................  c) Trường hợp ghép nhiều chữ cái để ghi một âm:...................... ............................ | **Người số 4**  ………………………………………….  …………………………………………. | | **Người số 3**  ………………………………………….  ………………………………………….  …………………………………………. | | | | **3. Bài tập 3**   |  |  | | --- | --- | | **Trường hợp** | **Ví dụ** | | a) Trường hợp dùng nhiều chữ cái khác nhau để ghi một âm | - ghi âm */k/* bằng các chữ cái *c*, *k*, *q;*  - ghi âm */z/* bằng các chữ *d (dồi dào), gi (gia đình);*  - ghi âm */i/* bằng các chữ *i (đi, im), y (tuỳ ý).* | | b) Trường hợp dùng một chữ cái khác khác nhau để ghi nhiều âm | - dùng chữ *a* vừa để ghi âm */a/,* vừa để ghi âm */ă/;*  - dùng chữ *u* vừa để ghi âm đệm */-w-/ (quà, quẽ),* vừa để ghi âm chính */u/ (lu bù);* - dùng chữ *o* vừa để ghi âm chính */o/ (con bò),* vừa để ghi âm đệm */-w-/ (hoa hoè);*  - dùng chữ *i* vừa để ghi âm chính */i/ (li bì),* vừa để ghi âm cuối */j/ (núi);*  - dùng chữ *y* vừa để ghi âm chính */i/ (quý),* vừa để ghi âm cuối */j/ /(tay).* | | c) Trường hợp ghép nhiều chữ cái để ghi một âm | *ch*, *gh, kh, ng, ngh, nh, ph, th, tr.* | | |

**3. Hoạt động 3: Vận dụng**

***a. Mục tiêu:***Vận dụng kiến thức về chữ Quốc ngữ để kết nối với hoạt động viết đoạn văn.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PP nêu vấn đề yêu cầuHS thực hành viết **đoạn văn ngắn (khoảng 6 đến 8 dòng)** trình bày suy nghĩ về những thuận lợi trong việc việc học chữ Quốc ngữ và sử dụng chữ Quốc ngữ để viết các tên riêng nước ngoài, các thuật ngữ khoa học có nguồn gốc nước ngoài.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| ***\* GV hướng dẫn HS thực hiện bài tập 4***  - GV hướng dẫn HSxác định yêu cầubài tập theo bảng tiêu chí sau:   |  | | --- | | **Yêu cầu** | | 1. Đảm bảo hình thức đoạn văn, có dung lượng từ 6 đến 8 dòng. | | 2. Nội dung:trình bày suy nghĩ về những thuận lợi trong việc việc học chữ Quốc ngữ và sử dụng chữ Quốc ngữ để viết các tên riêng nước ngoài, các thuật ngữ khoa học có nguồn gốc nước ngoài | | 3. Đảm bảo các yêu cầu về chính tả, ngữ pháp, diễn đạt. |   **-** HS làm việc cá nhân, tạo lập đoạn văn đảm bảo các tiêu chí trên.  - GV gọi 2 – 3 HS trình bày; HS khác lắng nghe, nhận xét, đánh giá theo các tiêu chí.  **-** GV nhận xét, nhấn mạnh cách viết đoạn văn:  + Xác định nội dung chính của đoạn: thuận lợi trong việc học và sử dụng chữ Quốc ngữ.  + Phát triển đoạn bằng một số câu văn, có sử dụng lí lẽ và bằng chứng thuyết phục.  + Đảm bảo không sai về chính tả, ngữ pháp, diễn đạt trong sáng. | *Ví dụ minh họa:*  “Chữ Quốc ngữ mặc dù còn một số hạn chế nhưng về cơ bản, là một loại chữ có nhiều ưu điểm mà ưu điểm nổi bật là đơn giản, dễ học. Nhờ đơn giản, dễ học mà chỉ sau không đầy một năm học theo chương trình lớp 1, trẻ em Việt Nam đều biết đọc, biết viết chữ Quốc ngữ. Chữ Quốc ngữ theo hệ chữ La-tinh nên rất thuận lợi trong việc sử dụng để viết các tên riêng nước ngoài (ví dụ: Phi-líp-pin, Xin-ga-po, Ru-ma-ni, Xri Lan-ca,...), các thuật ngữ khoa học có nguồn gốc nước ngoài (ví dụ: acid, hydro, oxy,...). Đó là một thuận lợi rất lớn trong thời đại toàn cầu hoá và hội nhập quốc tế.”.  *(Sách giáo viên Cánh Diều)* |

**\*Hướng dẫn chuẩn bị bài sau:**

**Phần Thực hành đọc hiểu Văn bản 1. Phò giá về kinh**

- Đọc trước văn bản *Phò giá về kinh*; tìm hiểu thêm thông tin về tác giả Trần Quang Khải, về hoàn cảnh chống giặc Mông- Nguyên thời nhà Trần, về hào khí thời Trần.

- Chia nhóm tìm hiểu các nội dung trong phiếu học tập sau:

|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP**  **Thực hành đọc hiểu văn bản**  **“*Tụng giá hoàn kinh sư* ” – Trần Quang Khải** | | | **Yêu cầu** | **Nội dung** | | 1. Xác định các đặc điểm hình thức của thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt trong bài thơ (s*ố chữ, dòng, niêm, luật và cách hiệp vần ở bản phiên âm)* |  | | 2. Tìm hiểu nội dung bài thơ  *- Hai dòng thơ đầu tập trung khắc hoạ những chiến công lẫy lừng nào? Tìm từ ngữ, hình ảnh, nêu tác dụng?*  *- Hai dòng thơ cuối bài nói lên tâm sự gì của võ tướng?*  *- Hai dòng thơ đầu và hai dòng thơ cuối có mối quan hệ gì với nhau?* |  | | 3. Tác dụng của cách ngắt nhịp trong việc thể hiện nội dung bài thơ  *- Chỉ ra cách ngắt nhịp của từng dòng thơ (phần phiên âm)*  *- Nhịp điệu các dòng thơ có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung bài thơ?* |  | | 4. Khái quát những giá trị đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của văn bản.  *- Em có nhận xét gì về ngôn ngữ, giọng điệu, cách diễn đạt cảm xúc của tác giả trong bài thơ?*  *- Tác giả đã thể hiện tư tưởng, cảm xúc nào trong bài thơ?* |  | |

**\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\*\***

**C. PHẦN THỰC HÀNH ĐỌC HIỂU**

**TIẾT : 7 Văn bản 1. Phò giá về kinh (Tụng giá hoàn kinh sư)**

Trần Quang Khải

**1. Hoạt động 1: Mở đầu**

***a. Mục tiêu:*** Tạo không khí học tập phấn khởi, tích cực, kiểm tra việc đọc và chuẩn bị bài ở nhà của HS.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng kĩ thuật trò chơi để kiểm tra kiến thức nền và những thông tin về văn bản *Phò giá về kinh*.

***c. Sản phẩm:*** Kết quả tham gia trò chơi của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

**-** GV hướng dẫn HS tham gia trò chơi *Nhanh như chớp*

**2. Hoạt động 2: Thực hành đọc hiểu**

***a. Mục tiêu:***

- HS nhận biết được các đặc điểm, tác dụng của thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt trong bài thơ *Phò giá về kinh* (bố cục, số dòng, số chữ, niêm, luật, cách hiệp vần, cách ngắt nhịp ở bản phiên âm,…).

- Hiểu được nội dung và mối quan hệ của hai dòng thơ đầu và hai dòng thơ cuối, chủ đề của bài thơthể hiện hào khí chiến thắng và khát vọng thái bình, thịnh trị của dân tộc ta ở thời đại nhà Trần. Từ đó bồi đắp tình yêu, niềm tự hào về tinh thần yêu nước trong lịch sử dân tộc.

- Thực thành kĩ năng đọc hiểu bài thơ ngũ ngôn tứ tuyệt viết bằng chữ Hán.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH theo nhóm, dạy học hợp tác tổ chức cho HS thực hành đọc hiểu văn bản theo đặc trưng thể loại.

|  |  |
| --- | --- |
| **Cách thức tổ chức HĐ** | **Dự kiến sản phẩm** |
| **I. Tìm hiểu chung về tác giả, tác phẩm**  ***\*HĐ1: Kiểm tra việc tìm hiểu thông tin chung về tác giả, tác phẩm ở nhà của HS***  *­*- GV yêu cầu HS:  *(1)* *Giới thiệu những thông tin em đã tìm hiểu được về tác giả Trần Quang Khải.*  *(2) Trình bày bối cảnh ra đời và bố cục của bài thơ?*  - HS chuẩn bị các nhiệm vụ theo yêu cầu của GV.  - GV gọi 3 HS lần lượt chia sẻ các nội dung; HS khác theo dõi, lắng nghe và nhận xét, bổ sung cho bạn,  - GV nhận xét, giới thiệu thêm thông tin về tác giả Trần Quang Khải, hoàn cảnh sáng tác bài thơ và hào khí đời Trần.  . **II. Thực hành đọc hiểu**  ***\*HĐ2: Đọc và giải thích từ khó*** | ***1. Tác giả***  - Trần Quang Khải (1241-1294), là một võ tướng kiệt xuất thời Trần. Ông có công rất lớn trong hai cuộc kháng chiến chống Mông- Nguyên.  - Thơ ông mang tinh thần thời đại, đầy chất trí tuệ nhưng vẫn hết sức lãng mạn, phóng khoáng.  ***2. Tác phẩm***  - Thể thơ: ngũ ngôn tứ tuyệt.  - Bối cảnh ra đời:  Bài thơ “Phò giá về kinh” được tác giả viết sau khi hộ giá hai vua Trần trở lại Thăng Long sau chiến thắng quân Mông- Nguyên lần thứ hai 1285.  - Bố cục: 2 phần  + Phần 1 (khai câu thơ khởi, thừa): Hào khí chiến thắng của quân ta  + Phần 2 (hai câu thơ chuyển, hợp): Khát vọng muôn đời thái bình, độc lập.  **1. Đọc và giải thích từ khó**  **-** Cách đọc: ngắt nhịp 2/3; đọc diễn cảm bài thơ với giọng hùng hồn, hào sảng. Hai dòng đầu cần đọc với nhịp điệu nhanh, mạnh mẽ; hai dòng sau đọc chậm rãi hơn; phần dịch nghĩa đọc rõ ràng nghĩa của các yếu tố Hán Việt. |
| **\*HĐ 3. Thực hành đọc hiểu chi tiết văn bản**  **-** GV yêu cầu HS:  + Làm việc nhóm bàn, chia sẻ và thống nhất nội dung đã chuẩn bị trong PHT đã giao tiết trước.  - HS hình thành nhóm, thực hiện trao đổi, thống nhất, hoàn thiện PHT theo hướng dẫn của GV.  - GV gọi đại diện 4 nhóm HS lần lượt chiếu và trình bày kết quả thực hành đọc hiểu văn bản (mỗi nhóm thực hiện 1 yêu cầu trong PHT); các nhóm khác lắng nghe, nhận xét, phản biện, bổ sung.  **-** GV nhận xét quá trình và kết quả thực hành đọc hiểu của HS, chốt kiến thức trọng tâm trong văn bản; đồng thời mở rộng thông tin, bình giảng một số từ ngữ, hình ảnh, chi tiết nghệ thuật độc đáo,… trong bài thơ. |  |
| **DỰ KIẾN SẢN PHẨM**   |  |  | | --- | --- | | **PHIẾU HỌC TẬP**  **Thực hành đọc hiểu văn bản**  **“*Tụng giá hoàn kinh sư* ” – Trần Quang Khải** | | | **Yêu cầu** | **Nội dung** | | 1. Xác định các đặc điểm hình thức của thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt trong bài thơ (s*ố chữ, dòng, niêm, luật và cách hiệp vần ở bản phiên âm)* | - Bài thơ có 4 dòng, mỗi dòng có 5 chữ;  - Niêm: câu 1-4; 2-3 cùng thanh (bằng hoặc trắc) với nhau.  - Luật: trắc (Chữ thứ 2, dòng 1- sáo)  - Vần: chữ cuối của dòng thứ 2 hiệp vần với chữ cuối của dòng thứ 4 (vần an trong các chữ: quan, san).  => Đây là bài thơ Đường luật ngũ ngôn tứ tuyệt. | | 2.  *- Hai dòng thơ đầu tập trung khắc hoạ những chiến công lẫy lừng nào? Tìm từ ngữ, hình ảnh và nêu tác dụng?*  *- Hai dòng thơ cuối bài nói lên tâm sự gì của võ tướng?*  *- Hai dòng thơ đầu và hai dòng cuối có mối quan hệ gì với nhau?* | ***- Hai dòng đầu:***  + mở đầu dòng thơ bằng những động từ mạnh “đoạt” (cướp), “cầm” (bắt) nhằm diễn tả và nhấn mạnh sự dũng mãnh, chủ động của quân dân ta.  + khắc hoạ những chiến công lẫy lừng của quân đội nhà Trần trước kẻ thù hùng mạnh (Chương Dương, Hàm Tử). Các chiến công được kể diễn ra liên tục, cho thấy không khí hào hùng của cuộc kháng chiến chống quân Mông - Nguyên xâm lược.  ***- Hai dòng cuối:***  + các từ “tu” (nên), từ “thử” (ấy, này) như lời tâm sự  🡪 nói lên sự cố gắng và khát vọng hoà bình, độc lập của cả dân tộc. Điều này thể hiện tầm nhìn xa, trông rộng của một nhà chiến lược lớn như Trần Quang Khải.  ***- Mối quan hệ giữa hai dòng đầu và hai dòng cuối:***  Hai dòng đầu là cơ sở, nền tảng cho sự xuất hiện, cho tư tưởng chiến lược được thể hiện ở hai dòng sau. Nếu không có những chiến công vang dội, quyết định trận chiến trước kẻ thù hùng mạnh nhất thời đại thì không thể có nền hòa bình cho đất nước, không thể có không khí hào hùng trở về kinh đô đã sạch bóng quân thù, sẽ không thể có đất nước để cùng chung sức dựng xây. | | 3. Tác dụng của cách ngắt nhịp trong việc thể hiện nội dung bài thơ  *- Chỉ ra cách ngắt nhịp của từng dòng thơ (phần phiên âm)*  *- Nhịp điệu các dòng thơ có tác dụng gì trong việc thể hiện nội dung bài thơ?* | ***Cách ngắt nhịp:***  *Đoạt sóc/ Chương Dương độ,*  *Cầm Hồ/ Hàm Tử quan.*  *Thái bình/ tu trí lực,*  *Vạn cổ/ thử giang san.*  *-*  Hai dòng đầu bài thơ có nhịp 2/3 với những động từ mạnh góp phần thể hiện khí thế dồn dập. Đây là nhịp điệu *động*, mang “hơi thở” chiến trận như bước quân hành, chiến thắng liên tiếp, quyết liệt của các trận chiến dẫn đến thắng lợi trước quân thù.  - Hai dòng cuối: vẫn ngắt nhịp 2/3 nhưng sự trầm tư, suy ngẫm về vận mệnh lâu dài của dân tộc làm âm hưởng bài thơ như lắng dịu xuống. Đây là nhịp điệu *tĩnh.* Nhịp điệu câu cuối như một điểm nhấn, một sự bình tâm, một lời khẳng định chân lí muôn đời: Chiến thắng là quan trọng nhưng biết giữ gìn chiến thắng và xây dựng đất nước hùng mạnh, bền vững muôn đời còn quan trọng hơn.  🡪 Nhịp điệu các dòng thơ có tác dụng ca ngợi hào khí đời Trần với những chiến công oanh liệt của dân tộc ta trước quân xâm lược Mông - Nguyên và khát vọng xây dựng nền thái bình thịnh trị cho đất nước. | | 4. Khái quát những giá trị đặc sắc về nội dung và hình thức nghệ thuật của văn bản.  *- Em có nhận xét gì về ngôn ngữ, giọng điệu, cách diễn đạt cảm xúc của tác giả trong bài thơ?*  *- Tác giả đã thể hiện tư tưởng, cảm xúc nào trong bài* | **- Giá trị nghệ thuật:**  + Thể thơ ngũ ngôn tứ tuyệt cô đọng, hàm súc  + Giọng điệu sảng khoái, hân hoan, tự hào  + Hình thức diễn đạt cô đúc, dồn nén cảm xúc vào bên trong ý tưởng. **- Giá trị nội dung:** Bài thơ thể hiện hào khí chiến thắng và khát vọng thái bình, thịnh trị của dân tộc ta ở thời đại nhà Trần. | | |

**3. Hoạt động 3: Luyện tập**

***a. Mục tiêu:*** Tiếp tục củng cố khắc sâu nội dung tư tưởng, hình thức đặc sắc của văn bản thông qua hoạt động so sánh với văn bản “Nam quốc sơn hà”.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH theo nhóm và kỹ thuật đặt câu hỏi, nêu vấn đề hướng dẫn HS so sánh.

|  |  |
| --- | --- |
| **Tổ chức thực hiện** | **Dự kiến sản phẩm** |
| - GV đặt câu hỏi:So sánh văn bản với bài thơ “Sông núi nước Nam” tìm sự tương đồng về nội dung và hình thức.  - HS hoạt động nhóm đôi, chuẩn bị trả lời câu hỏi.  - GV gọi 2-3 nhóm HS nêu kết quả thảo luận; nhóm Hs khác lắng nghe, nhận xét, bổ sung (nếu có).  - GV tổng hợp, đánh giá và chuẩn kiến thức. | (1) Nội dung  - Giống nhau: Đề tài yêu nước chống ngoại xâm, khẳng định và bảo vệ nền độc lập dân tộc,  - Khác nhau: nội dung biểu hiện  + Bài *Sông núi nước Nam* được viết ở thời kì đầu dựng nước, giữ nước, khi đất nước mới giành được quyền độc lập; bài thơ nhằm khích lệ tinh thần binh sĩ trước trận trước quyết tâm chiến đấu tiêu diệt kẻ thù để bảo vệ độc lập, tự do của dân tộc, đồng thời cảnh báo sự thất bại tất yếu của kẻ thù xâm lược.  + Bài *Phò giá về kinh* ca ngợi những chiến công oanh liệt của quân dân ta trước quân Mông - Nguyên xâm lược, giải phóng đất nước và khẳng định sự vững bền của xã tắc non sông.  (2) Hình thức:  Cùng sử dụng thể thơ TNTT (luật Trắc), giọng điệu hảo sảng, nhịp điệu dồn dập, từ ngữ, hình ảnh mang tầm vóc vũ trụ, sử dụng phép đối hiệu quả. |

**4. Hoạt động 4: Vận dụng**

***a. Mục tiêu:*** HS vận dụng kiến thức, kĩ năng đã học để đánh giá ý nghĩa của nội dung văn bản đối với cuộc sống hiện nay và nêu cảm nhận của bản thân về văn bản dịch thơ từ phần phiên âm chữ Hán.

***b. Nội dung:*** GV sử dụng PPDH nêu vấn đề, kĩ thuật đặt câu hỏi để hướng dẫn HStrình bày suy nghĩ về văn bản dịch thơ.

***c. Sản phẩm:*** Câu trả lời của HS.

***d. Tổ chức thực hiện:***

- GV hướng dẫn HS thực hiện các yêu cầu:

*(1) Cho biết ý nghĩa của văn bản đối với cuộc sống hiện nay.*

*(2) Đối chiếu bản dịch thơ của Trần Trọng Kim và các bản dịch của Ngô Tất Tố, Trinh Đường, Ngô Văn Phú. Em thích nhất bản dịch nào của ai? Vì sao? (trả lời thành đoạn văn từ 6 – 8 dòng).*

|  |  |
| --- | --- |
| ***\* HĐ5: Chia sẻ kinh nghiệm đọc hiểu văn bản thơ Đường luật chữ Hán***  - GV yêu cầu HS chia sẻ những trải nghiệm đọc hiểu một văn bản thơ Đường luật viết bằng chữ Hán.  - HS độc lập chuẩn bị câu trả lời.  - GV gọi một số HS chia sẻ những trải nghiệm và kinh nghiệm đọc hiểu văn bản của mình, HS khác lắng nghe, bổ sung.  - GV nhận xét, tổng hợp ý kiến và lưu ý những kĩ năng cần chú ý khi đọc một văn bản thơ Đường luật viết bằng chữ Hán, đặc biệt là các bài viết của các tướng lĩnh trong giai đoạn đất nước lâm nguy. | III. Kinh nghiệm đọc hiểu thơ **Đường luật chữ Hán**  - Nhận biết được những yếu tố đặc trưng về hình thức và nội dung của thể thơ Đường luật.  - Phát hiện các yếu tố hình thức nghệ thuật đặc sắc để thể hiện nội dung tư tưởng.  - Rèn luyện kĩ năng so sánh giữa bản phiên âm và bản dịch thơ.  - Kết nối nội dung văn bản với bối cảnh đất nước hiện nay. |

\* ***Hướng dẫn chuẩn bị sau:***

***THĐH Văn bản 2. “Tình cảnh lẻ loi của người chinh phụ”***

- Đọc trước đoạn trích ở nhà; tìm hiểu thêm thông tin về tác phẩm *Chinh phụ ngâm* và vị trí đoạn trích, cũng như vấn đề tác giả;